

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/LĐ-ST

Ngày: 06/02/2018

“*V/v đòi tiền công*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Hiền

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yên Phương – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm vụ án lao động sơ thẩm thụ lý số 17/2017/TLST-LĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017 về việc “*Đòi tiền công*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2017/QĐXX-ST ngày 12 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thành N**, sinh năm 1963

Trú tại: Xã HĐ, huyện CT, tỉnh BT.

Bị đơn:

1/ Ông **Nguyễn Thanh B**, sinh năm 1983

2/ Bà **Phạm Nhật Q**, sinh năm 1986

Cùng trú tại: Xã PH, thành phố BT, tỉnh BT.

(Ông N có mặt, ông B và bà Q vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa:

Theo nguyên đơn Nguyễn Thành N trình bày:

Vào ngày 02/01/2016 ông N có làm công cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh B, bà Phạm Nhật Q khi ông B thi công công trình lộ nhựa (đường vào nhà ông B, bà Q) thì ông N làm công việc phụ làm lộ nhựa, tiền công mỗi ngày là 250.000 đồng, ông N làm công cho ông B, bà Q được 16,5 ngày thành tiền là 4.125.000 đồng. Khi làm xong công trình thì ông

B, bà Q không có trả tiền công làm cho ông N. Ông B có ghi giấy xác nhận còn nợ ông N số tiền trên nhưng đến nay ông B vẫn không trả tiền cho ông N, mặc dù ông N đã đến nhà đòi nhiều lần nhưng ông B, bà Q không trả mà thách ông N đi thưa.

Ngày 25/9/2017 ông N làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B, bà Q phải trả cho ông N tổng số tiền công mà ông N đã làm cho ông B là 4.125.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn Nguyễn Thanh B:

Ông B vắng mặt, không tham gia tố tụng mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông B nên không có lời trình bày của ông B.

Bị đơn Phạm Nhật Q trình bày:

Bà Q là vợ của ông B cư trú tại xã PH, thành phố BT, tỉnh BT. Ông B có nhận tưới nhựa làm đường đi do người khác kêu làm, bà Q không biết rõ về người thuê ông B chồng bà làm đường đi, đầu tiên vô làm cũng đàn hoàn nên ông B có kêu chủ ba N cùng làm. Nhưng khi làm hoàn thiện con đường thì bên thuê ông B không có trả tiền cho ông B nên ông B không có đủ tiền trả cho ông N. Ông N cũng biết rõ bên chủ thuê không có trả tiền cho ông B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Đây là vụ kiện tranh chấp đòi tiền công giữa người lao động là ông Nguyễn Thành N với người sử dụng lao động là ông Nguyễn Thanh B, hợp đồng lao động đã thực hiện và bên bị đơn thừa nhận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] *Về tố tụng:* Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt thông báo thụ lý, tổng đạt thông báo về việc mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần cho bị đơn B, bị đơn Q nhưng ông B, bà Q không có mặt theo thông báo hòa giải nên không thể tiến hành hòa giải, công khai chứng cứ được. Ngoài ra, trong quá trình tố tụng Tòa án đã tiến hành tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ 02 lần cho ông B, bà Q để tham gia phiên tòa nhưng ông B, bà Q vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Thanh B, bà Phạm Nhật Q.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Xét thấy tại phiên tòa ông N vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, ông N yêu cầu ông B, bà Q phải chịu trách nhiệm trả cho ông N tiền công làm đường đi tổng cộng là 4.125.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Ông Nguyễn Thanh B vắng mặt không tham gia tố tụng nên không có lời trình bày. Tuy nhiên, ông B có viết, ký tên và ghi họ tên vào giấy cho mượn tiền và tiền công làm ngày 13/01/20017 với nội dung ông B có nợ tiền của ông Nguyễn Thành N số tiền đúng như sự thật, như đã nêu trên số tiền là 13.285.000 đồng (BL10). Theo giấy nợ này thì trong số tiền nợ 13.285.000 đồng thì có số tiền công làm thuê của ông N là 16,5 ngày, mỗi ngày là 250.000 đồng, thành tiền là 4.125.000 đồng.

Bà Phạm Thị Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản tự khai chỉ Q là vợ của ông Nguyễn Thanh B. Ông B có thuê chủ ba N cùng làm tưới nhựa đường đi. Nhưng khi làm hoàn thiện con đường thì bên thuê ông B không có trả tiền cho ông B nên ông B không có đủ tiền trả để trả tiền công cho ông N. Bà Q thừa nhận ông B chồng bà có thuê ông N làm nhưng chưa trả tiền nên ông N không phải chứng minh. Ông N khởi kiện yêu cầu ông B, bà Q phải trả tiền công làm đường đi nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét mối quan hệ giữa ông N, ông B và bà Q, còn mối quan hệ giữa ông B với người thuê ông B thì công đường đi là mối quan hệ khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của ông N là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Xét trách nhiệm liên đới của bà Q:

Bà Q cho rằng bà có biết việc ông B chồng của bà thuê ông N làm công trình tưới nhựa đường đi. Bà Q tuy không trực tiếp thuê ông N làm công nhưng giữa ông B và bà Q đang tồn tại hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, cần buộc bà Q phải chịu trách nhiệm liên đới cùng ông B trả số tiền làm công cho N là phù hợp với Điều 27 Luật hôn nhân, gia đình năm 2015 là có căn cứ.

[5] Ghi nhận ông N không yêu cầu tính lãi số tiền nêu trên.

[6] Về án phí lao động sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn N được chấp nhận nên ông B và bà Q phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 32, Điều 36, khoản 1 Điều 131 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành N đòi ông Nguyễn Thanh B, bà Phạm Nhật Q phải trả cho ông N 16,5 ngày công lao động là 4.125.000 (*bốn triệu, một trăm hai mươi lăm ngàn*) đồng.

Buộc ông Nguyễn Thanh B, bà Phạm Nhật Q phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Thành N số tiền công lao động là 4.125.000 (*bốn triệu, một trăm hai mươi lăm ngàn*) đồng

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn Thành N nếu ông Nguyễn Thanh B, bà Phạm Nhật Q chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thanh toán theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi trả xong nợ.

Ghi nhận ông Nguyễn Thành N không yêu cầu tính lãi số tiền nêu trên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Về án phí sơ thẩm: Án phí lao động sơ thẩm là 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng ông Nguyễn Thanh B và bà Phạm Nhật Q phải chịu trách nhiệm liên đới nộp.

Ông Nguyễn Thành N có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Nguyễn Thanh B, bà Phạm Nhật Q vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để Tòa án cấp trên xét xử xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thảo